

**BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG
VÀ NHU CẦU MUA BÁN**

Mẫu 01

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP - CÂY,
CON GIỐNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 06 tháng 4 năm 2026

(ĐVT: đồng/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sóc Sơn	Ghi chú
I	CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI CHỢ			Giá bán lẻ
1	Lúa Khang Dân	Loại 1	10.000	
2	Gạo Khang Dân	Loại 1	16.000	
3	Lúa bắc thơm	Loại 1	Không có	
4	Gạo bắc thơm	Loại 1	20.000	
5	Gạo J02	Loại 1	18.000	
6	Lúa BC15	Loại 1	Không có	
7	Gạo BC15	Loại 1	17.000	
8	Gạo Điện Biên	Loại 1	17.000	
9	Gạo tám Hải Hậu	Loại 1	18.000	
10	Gạo tám Thái	Loại 1	18.000	
11	Gạo nếp cái hoa vàng	Loại 1	40.000	
12	Gạo nếp cẩm	Loại 1	30.000	
13	Lúa nếp 97	Loại 1	Không có	
14	Gạo nếp 97	Loại 1	35.000	
15	Đậu tương	Loại 1	50.000	
16	Đậu xanh có vỏ	Loại 1	50.000	
17	Lạc nhân	Loại 1	70.000	
18	Đậu đen	Loại 1	55.000	
19	Ngô hạt	Loại 1	Không có	
II	GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP			Giá bán lẻ
1	Đạm Ure Hà Bắc	Loại 1	14.500đ/kg	
2	Lân Super Lâm Thao	Loại 1	8.000 đ/kg	
3	Kali Hà Anh	Loại 1	13.000 đ/kg	
4	NPK Lâm Thao	Loại 1	8.000 đ/kg	
III	GIÁ CÁC MẶT HÀNG CÂY , CON GIỐNG			Giá bán lẻ
	Lúa giống			
1	Giống lúa Thiên ưu 8	Loại 1	Không có	
2	Giống lúa Khang dân	Loại 1	Không có	
3	Giống lúa nếp 97	Loại 1	Không có	
4	Giống lúa Bắc Thơm số 7	Loại 1	Không có	
5	Giống lúa Bắc Thơm KBL	Loại 1	Không có	
6	TBR 225	Loại 1	Không có	
7	VNR20	Loại 1	Không có	

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sóc Sơn	Ghi chú
	Giống cây ăn quả			Giá bán lẻ
1	Cây mít	Loại 1	Không có	
2	Cây Xoài (Cát, Đài Loan,..)	Loại 1	Không có	
3	Cây Na Thái	Loại 1	Không có	
4	Cây nhãn	Loại 1	Không có	
5	Cây bưởi Diễn	Loại 1	Không có	
6	Cây bưởi da xanh	Loại 1	Không có	
7	Cây ổi Đài Loan	Loại 1	Không có	
8	Cây chanh tứ quý, không hạt	Loại 1	Không có	
	Lợn giống			
1	Lợn giống (7-8kg/con)	Loại 1	Không có	
	Vịt giống			
1	Siêu thịt Orvia	Loại 1	Không có	
2	Vịt Cherry Valley	Loại 1	Không có	
3	Vịt Subơ	Loại 1	Không có	
4	Bầu cánh trắng	Loại 1	Không có	
	Ngan giống các loại			
1	Ngan đực (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
2	Ngan cái (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
	Gà giống các loại			
1	Gà ri (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
2	Gà ri lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
3	Gà mía (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
4	Gà mía lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
5	Lai chọi (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
6	Đông tảo (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
IV	GIÁ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN			
1	Cám cá các loại	Loại 1	Không có	
2	Cám gà (gà con) dành cho gà trắng	Loại 1	315.000	
3	Cám lợn các loại (lợn con) – bao 5kg	Loại 1	160.000	
4	Cám vịt các loại	Loại 1	Không có	
V	GIÁ THUỐC THÚ Y			
1	Vaccin Đậu gà (Liều 1000)	Loại 1	260.000	
2	Vaccin Newcastle (Liều 1000)	Loại 1	150.000	
3	Vacin 3 bệnh gà đẻ (Liều 1000)	Loại 1	Không có	
4	Vaccin GumIBD (Liều 1000)	Loại 1	260.000	
5	Vaccin sổ mũi truyền nhiễm (Liều 1000)	Loại 1	Không có	

Mẫu 02

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 06 tháng 4 năm 2026

(ĐVT: đồng/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sóc Sơn	Ghi chú
1	Thịt lợn hơi	Loại 1	65.000	
2	Thịt lợn mỡ sấn	Loại 1	110.000	
3	Thịt lợn nạc thăn	Loại 1	110.000	
4	Thịt lợn ba chỉ	Loại 1	145.000	
5	Thịt bò thăn	Loại 1	270.000	
6	Thịt bò mỡ	Loại 1	250.000	
7	Gà ta hơi	Loại 1	120.000	
8	Gà ta nguyên con làm sẵn	Loại 1	130.000	
9	Gà công nghiệp hơi	Loại 1	50.000	
10	Gà CN nguyên con làm sẵn	Loại 1	70.000	
11	Vịt hơi	Loại 1	55.000	
12	Vịt nguyên con làm sẵn	Loại 1	80.000	
13	Ngan hơi	Loại 1	85.000	
14	Ngan nguyên con làm sẵn	Loại 1	100.000	
15	Trứng gà ta (quả)	Loại 1	4.000	
16	Trứng gà Ai Cập (quả)	Loại 1	3.000	
17	Trứng chim cút (10 quả)	Loại 1	7.000	
18	Trứng vịt (quả)	Loại 1	3.000	
19	Cá chép > 2kg	Loại 1	75.000	
20	Cá trắm > 3 kg	Loại 1	80.000	
21	Cá quả	Loại 1	100.000	
22	Ngao	Loại 1	12.000	
23	Tôm đồng	Loại 1	230.000	
24	Cua đồng	Loại 1	130.000	

ĐA X.H.C
PHÒNG
KINH
SƠN - T

Mẫu 03**GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ
TẠI CÁC CHỢ ĐÀU MỖI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 06 tháng 4 năm 2026

(ĐVT: đồng/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sóc Sơn	Ghi chú
1	Cam sành	Loại 1	30.000	
2	Dưa hấu miền nam	Loại 1	25.000	
3	Vải	Loại 1	Không có	
4	Chanh leo	Loại 1	30.000	
5	Mận hậu	Loại 1	Không có	
6	Mãng cụt	Loại 1	Không có	
7	Chôm chôm	Loại 1	Không có	
8	Bơ	Loại 1	40.000	
9	Táo Mỹ	Loại 1	130.000	
10	Nho xanh loại 1	Loại 1	100.000	
11	Bưởi da xanh loại 1	Loại 1	60.000	
12	Thanh long ruột đỏ	Loại 1	50.000	
13	Quả Roi	Loại 1	55.000	
14	Na Miền Nam	Loại 1	40.000	
15	Xoài Cát chu	Loại 1	40.000	
16	Hồng Xiêm	Loại 1	50.000	
17	Nhãn miền Nam	Loại 1	50.000	
18	Khoai tây	Loại 1	10.000	
19	Bí xanh	Loại 1	10.000	
20	Rau bí	Loại 1	Không có	
21	Bắp cải	Loại 1	10.000	
22	Cà chua	Loại 1	8.000	
23	Đậu cove	Loại 1	20.000	
24	Cải cúc	Loại 1	10.000	
25	Dưa chuột	Loại 1	15.000	
26	Ngọn su su	Loại 1	15.000	
27	Rau muống	Loại 1	10.000	
28	Cải ngọt	Loại 1	12.000	

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sóc Sơn	Ghi chú
29	Hoa hồng đỏ (bông)	Loại 1	6.000	
30	Hoa lily kép (cành)	Loại 1	70.000	
31	Hoa lily các màu(cành)	Loại 1	35.000	
32	Hoa cúc đại đóa (bông)	Loại 1	6.000	

Người thu thập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Minh

PHÒNG KINH TẾ
(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Phạm Thị Thu Hà





Handwritten text in red ink, possibly a date or a short note, located in the lower right area of the page.

